

Tập 221

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm ba mươi lăm:

(Sớ) Thứ văn hữu tam: Vị Di Đà danh hiệu, thị tiêu niệm cảnh; chấp trì nhất tâm, thị minh niệm pháp; nhất nhật, thất nhật, thị khắc niệm kỳ.

(疏)次文有三：謂彌陀名號，是標念境；執持一心，是明念法；一日七日，是剋念期。

(Sớ: Đoạn kinh văn kế tiếp gồm có ba phần: Nói đến danh hiệu Di Đà nhằm nêu ra niệm cảnh. Chấp trì và nhất tâm là nêu rõ cách niệm. Một ngày [cho đến] bảy ngày là ấn định kỳ hạn niệm Phật).

“Cảnh” (境) là nói tới cảnh giới.

(Diễn) Niệm cảnh giả, tức sở quán chi lý; niệm pháp, tức năng quán chi trí.

(演)念境者，即所觀之理；念法，即能觀之智。

(Diễn: Niệm cảnh là cái lý được quán, niệm pháp là cái trí để quán [cái lý ấy]).

Điều dùng cách giải thích của tông Thiên Thai. Một câu A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh lý thể. Từ kinh Đại Bồn và kinh này, đối với tầng ý nghĩa này, có thể nói là chúng ta đều có mức độ thấu hiểu kha khá. Ý nghĩa được bao hàm trong danh hiệu này xác thực là sâu rộng, chẳng có ngăn mé, xác thực là toàn thể của chân tâm trong tự tánh. Theo Đàn Kinh, khi khai ngộ, Lục Tổ đại sư đã nói ra năm câu, chẳng có câu nào ra ngoài những ý nghĩa được bao hàm trong một câu danh hiệu [A Di Đà Phật] này. Do vậy có thể biết, câu danh hiệu này chẳng có pháp thế gian hay xuất thế gian nào là chẳng bao trùm.

“Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”, câu này là phương pháp. Ở đây, đại sư đã chỉ ra “năng quán chi trí”. Câu này hết sức hay. Vì có những người hiểu lầm “do niệm Phật thì nhiều nhất là có thể đắc Định, niệm đến mức tâm thanh tịnh, chứ người niệm Phật chẳng có trí huệ Bát Nhã”. Khá nhiều kẻ có sự nhận biết sai lầm ấy, trọn chẳng biết “chấp trì

đanh hiệu, nhất tâm bất loạn” là trí huệ tối thượng thừa. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền chọn lựa pháp môn này. Trong Đại Kinh, chúng ta thấy Di Lạc Bồ Tát cũng chọn lựa pháp môn này. Di Lạc Bồ Tát không chỉ chọn lựa trong kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh Di Đà cũng nêu tên Ngài. A Dật Đa (Ajita)¹ chính là tên của Ngài. Có thể thấy là những vị Đẳng Giác Bồ Tát đều chọn lựa pháp môn này, chẳng thể nói các Ngài không có trí huệ.

(Sao) Phi cảnh, tắc pháp vô sở thi.

(鈔)非境，則法無所施。

(Sao: Chẳng có cảnh, sẽ chẳng có pháp nào để thực hiện).

Cảnh giới là phương hướng và mục tiêu, cũng là điều chúng ta mong cầu. Nếu chẳng có điều này, tất cả hết thảy các phương pháp rốt cuộc đều dẫu có mà như không. Dẫu phương pháp tốt đẹp đến mấy mà chẳng có mục tiêu thì cũng trở thành rỗng tuếch.

(Sao) Phi pháp, tắc cảnh vi hư lập.

(鈔)非法，則境為虛立。

(Sao: Chẳng có pháp thì cảnh chỉ được kiến lập suông).

Chẳng có phương pháp tốt đẹp, A Di Đà là Chân Như bản tánh của chúng ta, vĩnh viễn chẳng thể chứng đắc Chân Như bản tánh ấy.

(Sao) Phi kỳ, tắc tuy cảnh thắng, pháp cường, giải đãi, nhân tuần, công bất tốc kiến.

(鈔)非期，則雖境勝法強，懈怠因循，功不速建。

(Sao: Chẳng có kỳ hạn thì tuy cảnh thù thắng, pháp mạnh mẽ, nhưng vì biếng nhác, chần chừ, công phu chẳng được kiến lập nhanh chóng).

Nếu chẳng có kỳ hạn nhất định để đạt tới, sự tu hành sẽ xa vời vợi, khi nào thì mới có thể thành tựu? Hễ thời gian lâu dài, người ta sẽ giải

¹ A Dật Đa có nghĩa là “không ai thắng được”. Do đó, người Hoa thường dịch danh hiệu này thành Vô Năng Thắng. A Dật Đa là tên, còn Di Lạc (Maitreya, Từ) là họ. Vì thế, đôi khi kinh điển ghi tên họ của Bồ Tát là Từ Thị Vô Năng Thắng.

đãi, lười nhác. Nói cách khác, tinh thần chẳng thể phân chân được! Nhất định là phải ấn định một kỳ hạn, định ra một thời khóa biểu hằng ngày, trong một thời gian bao lâu đó, chúng ta nhất định phải hoàn thành đại sự này. Do vậy, ba điều kiện “*cảnh, pháp, kỳ hạn*” thiếu một cũng không được!

(Sao) Tam sự cụ cố, năng linh tịnh nghiệp quyết định thành tựu.

(鈔) 三事具故，能令淨業決定成就。

(Sao: Do ba chuyện ấy đầy đủ, có thể khiến cho tịnh nghiệp quyết định thành tựu).

Ở đây, Liên Trì đại sư dùng lời lẽ hết sức khẳng định, khiến cho chúng ta xem xong, chẳng còn có mảy may hoài nghi nào nữa! Tiếp đó, Ngài giải thích tỉ mỉ ba điều kiện “*cảnh, pháp, ấn định kỳ hạn*”.

(Sớ) Tiêu niệm cảnh giả.

(疏) 標念境者。

(Sớ: Nêu ra cảnh để niệm).

“*Tiêu*” (標) là nêu bày.

(Sớ) Bỉ Phật vạn đức thành tựu Tịnh Độ nhiếp sanh, cố dĩ A Di Đà Phật tứ tự hồng danh, vi sở niệm chi cảnh. Y chi tu hành, hữu sở nghệ cố.

(疏) 彼佛萬德成就淨土攝生，故以阿彌陀佛四字洪名，為所念之境，依之修行，有所詣故。

(Sớ: Đức Phật ấy do vạn đức mà thành tựu cõi Tịnh Độ để nhiếp hóa chúng sanh, nên dùng hồng danh bốn chữ A Di Đà Phật làm cảnh để niệm. Nương theo đó tu hành thì sẽ có chỗ để đạt đến).

“*Nghệ*” (詣: đạt đến) là [nói tới] phương hướng, mục tiêu. “*Bỉ Phật*” là Tây Phương giáo chủ A Di Đà Phật. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy một đoạn lịch sử từ lúc Ngài thoát ban sơ phát tâm tu hành, phát nguyện kiến lập thế giới Cực Lạc.

(Diễn) Vạn đức thành giáo Tịnh Độ nhiếp sanh giả, nhân tu vạn hạnh, quả thành vạn đức, gia dĩ tứ thập bát nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh, bất đồng dư cố.

(演)萬德成教淨土攝生者，因修萬行，果成萬德，加以四十八願，莊嚴淨土，攝化眾生，不同餘故。

(Diễn: “Vạn đức tạo thành cõi Tịnh Độ để nhiếp hóa chúng sanh”: Cái nhân là tu vạn hạnh, nên quả là thành tựu vạn đức, lại thêm bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh, chẳng giống [các vị Phật] khác).

“Dư” (餘) [ở đây] là nói tới những vị Phật Như Lai khác. Nếu chúng ta nói hết thầy chư Phật “*cái nhân là tu vạn hạnh, thành tựu cái quả là vạn đức*”, thì có thể nói là hết thầy chư Phật đều như nhau, chẳng có vị Phật nào không phải là như vậy; nhưng “*bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh*” thì những vị Phật khác chẳng có. Trong hết thầy chư Phật, bi nguyện của Phật Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, những vị Phật khác đều chẳng có những điều này. Ngài (A Di Đà Phật) dùng một câu danh hiệu để nhiếp thọ hết thầy chúng sanh. Lý trong ấy hết sức sâu xa, đó gọi là “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo*”. Phương pháp hết sức đơn giản, dễ dàng, lý quá sâu, ngay cả Bồ Tát cũng đều chẳng hiểu rõ ràng. Vì vậy, [phàm nhân] vừa thấy phương pháp dễ dàng ngàn ấy, chẳng khỏi hoài nghi, [phương pháp này] có xài được hay chẳng? Có thể thành tựu hay chẳng? Vì lẽ đó, pháp môn này được gọi là “*pháp khó tin*”. Lý quá sâu, chẳng có cách nào thực hiện, chẳng phải là cảnh giới chính mình hòng đạt được. Phương pháp quá dễ dàng, chẳng dám tin tưởng, đó đều là chướng ngại.

Thật ra, tại giảng tòa ở nơi đây, đã nhiều năm ngàn ấy, chúng tôi không ngừng lật đi lật lại, nghiên cứu thảo luận, ít nhiều thì [quý vị] cũng hiểu rõ đôi chút; do vậy, cũng có thể miễn cưỡng tin tưởng. Người tin tưởng, nương theo phương pháp này để tu học, ít nhiều thì cũng đều đạt được đôi chút lợi ích. Sau khi đã đạt được lợi ích, tín tâm càng thêm mạnh mẽ, thật sự có hiệu quả. Trước kia, tu các pháp môn khác, tu bao nhiêu năm chẳng thấy có hiệu quả, tu pháp môn này mấy tháng, quả nhiên thân tâm có biến hóa, khác hẳn. Như vậy thì mới có thể đạt được

pháp hỷ, mới có thể chứng thực phương pháp này đáng để học tập, chẳng lừa gạt chúng ta.

(Diễn) *Y chi tu hành giả, chúng sanh vị năng liễu ngộ tự tâm.*

(演)依之修行者，眾生未能了悟自心。

(Diễn: *Người nương theo pháp ấy tu hành chính là chúng sanh chưa thể liễu ngộ tự tâm.*

Nói rõ vì sao A Di Đà Phật dùng phương pháp thiện xảo như vậy có thể phổ độ lục đạo chúng sanh. Ở đây, đã vì chúng ta nói ra sự thật này, chúng sanh chưa khai ngộ!

(Diễn) *Vị đắc thoát thể vô y.*

(演)未得脫體無依。

(Diễn: *Chưa thể thoát khỏi thể, không nương cậy.*

Chưa khai ngộ thì phải tìm nơi nương tựa, phải tìm chỗ nương dựa vững chắc. Đã ngộ thì chẳng cần, lúc đó mới thật sự là đội trời đạp đất, là bậc vô y đạo nhân. Vô y đạo nhân thì mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, mới là thật sự đội trời đạp đất. Trước khi đạt đến Sơ Trụ, tức là trước khi kiến tánh, kể cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Quyền Giáo Bồ Tát, trước khi minh tâm kiến tánh thì đều phải có nơi nương tựa.

(Diễn) *Tất tu y cảnh phát tâm thú hướng hữu địa.*

(演)必須依境發心趣向有地。

(Diễn: *Ắt phải nương vào cảnh để phát tâm, thì sẽ có mục đích để hướng về.*

Phải cậy vào những điều này. Ở đây, tôi khuyên khắp các vị đồng tu, chúng ta dựa vào kinh Vô Lượng Thọ, dựa vào Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, chúng ta phải dựa vào những thứ ấy, nương tựa câu vạn đức hồng danh này. Dựa vào kinh nhằm giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Tín tâm chẳng thể kiến lập thì nguyện hạnh chẳng cần bàn tới nữa. Do vậy, quan trọng nhất là kiến lập tín tâm. “*Tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng*” (Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng), trong kinh

Kim Cang, đức Phật nói như vậy. Thật Tướng là chân lý, tín tâm thanh tịnh thì quý vị có thể thấy chân lý, chân lý là gì? Xác thực là một câu danh hiệu này. “*Thú hướng hữu địa*” (趣向有地), “*địa*” (地) là mục đích.

(Diễn) Kim y Phật danh, như long đắc thủy, như hổ靠山, hữu sở nghệ cố.

(演) 今依佛名，如龍得水，如虎靠山，有所詣故。

(Diễn: Nay nương vào danh hiệu Phật, sẽ như rồng được nước, như cọp dựa vào núi, nên có chỗ để hướng về).

Nay chúng ta nương vào câu vạn đức hồng danh này, chúng ta biết chỉ cần thật thà niệm Phật chẳng gián đoạn, quyết định vãng sanh Tịnh Độ, sanh vào thế giới Tây Phương bèn quyết định thành Phật trong một đời. Đúng là “*nư long đắc thủy, như hổ靠山*” (như rồng được nước, như cọp dựa vào núi), mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh! Có thể nghe pháp môn này tức là chư vị có phước, có duyên phận được nghe. Nhưng sau khi đã nghe, chính mình có chịu nghiêm túc thực hiện hay không, đó là phước phận của chư vị! Đã có duyên mà thiếu phước, thiếu phước tức là chẳng chịu nghiêm túc tu. Chẳng có huệ, tức là chẳng lý giải lý luận này. Chẳng có huệ cũng không sao cả! Hễ có phước thì đều có thể thành tựu. Ta không hiểu, không hiểu đừng sợ, ta cứ thật thà niệm, sẽ vãng sanh y hệt, thành công y hệt. Phước còn trọng yếu hơn huệ! Người chẳng có phước thật đáng thương, có huệ [mà thiếu phước] sẽ vô dụng! Có huệ [mà thiếu phước] chính là cuồng huệ; tuy hiểu, chẳng chịu hành! Dưới đây là hiển thị công đức của danh hiệu.

(Sao) Cực Lạc y chánh, ngôn Phật tiện châu. Phật công đức hải, diệc ngôn danh tiện châu. Cố dĩ tứ tự danh hiệu vi cảnh.

(鈔) 極樂依正，言佛便周，佛功德海亦言名便周，故以四字名號為境。

(Sao: Đối với y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc, hễ nói “Phật” liền trọn đủ. Đối với biển công đức của Phật, cũng nói đến danh hiệu liền trọn đủ. Vì thế, dùng danh hiệu gồm bốn chữ để làm cảnh).

Chẳng ai có thể nói trọn hết về y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc. Kinh Vô Lượng Thọ có nói: Dẫu tất cả hết thầy

chúng sanh trong mười phương thế giới đều chúng quả Bích Chi Phật, trí huệ và thần thông đều giống như Đại Mục Kiền Liên, cùng nhau tính toán, vẫn tính chẳng ra, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng câu A Di Đà Phật bốn chữ này có thể nói là hết thảy trang nghiêm đều được bao gồm. “*Ngôn Phật tiện châu*” (Nói Phật liền trọn hết), Châu (周) có nghĩa là viên mãn, một câu Phật hiệu bèn viên mãn. “*Phật công đức hải*” (Biển công đức của Phật), [nói đến] công đức của A Di Đà Phật. “*Hải*” (海) là tỷ dụ sự rộng lớn, công đức sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn, cũng là một câu danh hiệu này bao trùm trọn hết. Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Trong vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có pháp môn nào có thể sánh cùng danh hiệu này để luận định. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng chuyện này; sau đó, quý vị mới có thể khẳng khái một mực chấp trì danh hiệu.

Chiều hôm nay, có một vị lão cư sĩ đến đây thọ Tam Quy, có kể với tôi là năm mươi năm trước cụ đã được một vị Thượng Sư bên Mật Tông quán đánh, dạy cụ trì ba bài chú: “Ba bài chú ấy đã niệm hơn năm mươi năm, tôi chẳng thể buông bỏ được. Dầu quy y ở nơi đây, tôi vẫn tiếp tục trì chú”. À! Ông cứ tiếp tục trì chú cũng được thôi! Chẳng biết công đức của danh hiệu. Danh hiệu có công đức vượt trời thần chú quá nhiều, [công đức của thần chú] chẳng thể sánh bằng! Niệm chú vẫn hơn năm mươi năm mà vẫn là tình cảnh như vậy. Nếu khẳng khái một mực niệm danh hiệu này, niệm ba năm, quý vị sẽ khác hẳn! Thật sự nghiêm túc niệm ba năm, quý vị sẽ đạt được kết quả như thế nào? Sanh tử tự tại, quý vị muốn vãng sanh lúc nào bèn vãng sanh lúc ấy. Mong ở lại thêm mấy năm nữa, cũng chẳng trở ngại, công đức của danh hiệu có thể khiến cho quý vị đạt tới cảnh giới ấy.

Theo Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bao nhiêu người niệm Phật ba năm bèn vãng sanh, có phải là thọ mạng của những người ấy còn đúng ba năm? Chẳng phải vậy! Công phu của họ đã đạt đúng mức, có thể tùy ý vãng sanh. Do họ chẳng muốn ở trong thế giới này lâu hơn nữa, họ đi trước, chẳng phải là thọ mạng đã hết mới ra đi, mà là đi trước. Nếu không, rất nhiều người ba năm vãng sanh, há có chuyện khéo trùng hợp như vậy ư? Chẳng phải vậy, công phu niệm Phật của người ta đã đạt mức, so sánh giữa hai thế giới, ở đây quá khổ, bên đó quá thoải mái, ai mà chẳng muốn ra đi? Họ có bản lãnh ấy. Còn có những người chưa đi là vì có chuyện còn vướng mắc ở nơi đây. Chuyện gì vậy? Tuyệt đối chẳng phải là chuyện vướng mắc trong gia đình, mà là chuyện hoằng pháp lợi sanh: Còn có những chúng sanh hữu duyên với

họ, có thể giúp họ vãng sanh. Để giải quyết mỗi duyên ấy, họ phải chậm trễ mấy hôm, khuyên lơn người nhà, quyến thuộc, đồng tham đạo hữu, giúp đỡ họ tu tịnh nghiệp. Chỉ có lý do này mà họ bằng lòng ở lại lâu dài trong thế gian. Những bài chú kia chẳng có năng lực ấy, nhưng pháp môn này có năng lực ấy! Nếu quý vị chẳng chịu làm, hết cách!

Quý vị niệm Phật đứt đứt nối nối, dường có, dường không, khi niệm lại xen tạp vọng tưởng, niệm kiêu đó thì ba mươi năm, ba trăm năm vẫn chẳng đắc lực. Thật sự niệm đến mức “*tịnh niệm tương kế*” (tịnh niệm liên tục), chỉ cần đạt tới tiêu chuẩn bốn chữ ấy. “*Tịnh niệm tương kế*” là chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi. Có hoài nghi, tâm quý vị chẳng thanh tịnh, tâm xen tạp chẳng thanh tịnh. Hai chữ “*tịnh niệm*” (淨念) bao gồm [các ý nghĩa] chẳng hoài nghi, không xen tạp. “*Tương kế*” (相繼: tiếp nối) là không gián đoạn. Nếu nói theo kinh, bảy ngày bèn thành tựu; nhưng do chúng ta nghiệp chướng quá nặng, bảy ngày chẳng đạt được, tuyệt đại đa số là ba năm. Người ta ba năm thành tựu, chẳng thể kể xiết! Họ ba năm bèn có thể thành tựu, có sao chúng ta ba năm mà vẫn chẳng thể thành tựu? Quyết định là có thể thành tựu. Vì sao không nghiêm túc hành ba năm hòng giải quyết cho xong đại sự sanh tử của chính mình? Đây là nhân duyên hy hữu khó gặp từ vô thỉ kiếp tới nay. Trong một đời này, vì sao hằng ngày chúng ta cứ vận dụng hết mưu mẹo để đấu đá cùng kẻ khác, tranh luận đúng sai với người ta? Chẳng có ý nghĩa chi hết! Suy nghĩ về những khởi tâm động niệm, hết thấy những gì đã làm trong cuộc sống hằng ngày, [sẽ thấy] toàn là tạo nghiệp luân hồi. Trong nghiệp luân hồi, lại còn tạo nghiệp của ba ác đạo, đáng sợ quá! Vì sao chẳng buông hết những thứ ấy xuống để thật thà niệm Phật?

Trịnh cư sĩ bảo tôi: Ở chỗ pháp sư Diệu Liên tại Bộ Lý² thường đả Phật Thát, có những bà cụ tham gia mấy chục Phật Thát. Tôi nói: “Có hữu dụng hay không?” Người nào hữu dụng? Ở đó, có những bà cụ rất thật thà, chuyện gì cũng chẳng biết, suốt ngày từ sáng đến tối chỉ biết “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, quý vị chửi họ, họ cũng không biết là đang chửi họ! Người như vậy sẽ thành công, vì sao? Họ chẳng có vọng niệm. Quý vị chửi họ, chàm chọc họ, lăng nhục họ, họ chẳng hiểu là đang chửi họ. Hạng người ấy trong tương lai quyết định vãng sanh. Vì sao? Người

² Bộ Lý (埔里), còn đọc là Phó Lý là một trấn thuộc huyện Nam Đầu ở miền trung Đài Loan, khá nổi tiếng về phong cảnh ngoạn mục. Tên gọi Bộ Lý phát xuất từ chữ Purisia trong thổ ngữ Kaxabu của thổ dân Đài Loan.

ta thật sự làm được bốn chữ “*tịnh niệm tương kế*”. Người Hoa thường nói “*thông minh đâm ra bị thông minh làm cho làm lẫn*”. Thông minh chẳng phải chuyện tốt, vì chính mình quá thông minh, nên mới tạo tác ba ác đạo. Kẻ chẳng thông minh, sẽ chẳng tạo tác ba ác đạo.

(Diễn) *Ngôn danh tiện châu giả, dĩ thế gian chi danh, danh vô đắc vật chi công, vật vô đương danh chi thật, danh thật bất năng tương xứng.*

(演)言名便周者，以世間之名，名無得物之功，物無當名之實，名實不能相稱。

(Diễn: *Nói tới danh hiệu liền trọn đủ, bởi đối với danh từ trong cõi đời thì danh xưng chẳng có công năng của vật, mà vật chẳng phải là thực chất xứng với tên gọi. Danh xưng và sự thật chẳng thể tương xứng).*

Nói tới thế giới của chúng ta, danh là giả. Lão Tử nói: “*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo*”³. Trong Bách Pháp của tông Duy Thức, Danh được xếp vào loại Bất Tương Ứng Hành Pháp. Đó là danh và thực chẳng tương xứng.

(Diễn) *Kim Phật danh giả.*

(演)今佛名者。

(Diễn: *Nay danh hiệu Phật).*

Giải thích danh hiệu A Di Đà Phật khác hẳn. Quý vị coi Phật hiệu như danh hiệu trong thế gian sẽ là sai lầm đặc biệt to tát.

(Diễn) *Danh ngoại vô thật, thật ngoại vô danh, danh thật bất nhị, cố ngôn danh tiện châu.*

(演)名外無實，實外無名，名實不二，故言名便周。

³ Câu này đã được Vương Bất (226-249), tự là Phụ Tự, một nhà kinh học (chuyên nghiên cứu kinh điển Nho gia) nổi tiếng thời Tấn - Ngụy, giảng như sau: “*Khả đạo chi đạo, khả danh chi danh, chỉ sự tạo hình, phi kỳ thường dã*” (Cái đạo mà có thể diễn tả, cái tên mà có thể gọi thì toàn là những điều thuộc về sự vật, có hình tướng, chẳng phải là thường hằng). Điều này có thể tạm hiểu thô thiển là ngôn ngữ, danh xưng có hạn cuộc, chẳng thể diễn tả đạo lý chân thật và chân tánh được!

(Diễn: Ngoài danh chẳng có thật, ngoài thật chẳng có danh, danh và sự thật chẳng hai, nên nói đến danh bèn trọn đủ).

Danh hiệu ấy chân thật, chẳng giả! “*Danh khả danh, phi thường danh*” như Lão Tử đã nói chẳng thể áp dụng vào A Di Đà Phật được. A Di Đà Phật đích xác là “*thường danh*” (danh hiệu thường hằng)! Thế giới này có thành, trụ, hoại, không, danh hiệu A Di Đà Phật chẳng có thành, trụ, hoại, không. Tận hư không khắp pháp giới, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều tuyên dương [danh hiệu A Di Đà Phật], vượt trôi thời gian và không gian! Vì thế, danh hiệu A Di Đà Phật là thường danh, thường đạo, tuyệt đối chẳng phải là cái danh chẳng thường hằng, hoặc đạo chẳng thường hằng. Rất khó nhận biết điều này! Người bình phàm trong cõi đời, nói thật ra, ngay cả Quyền Giáo và Tiểu Thừa cũng bao gồm trong ấy (trong số những kẻ không nhận biết), từ vô lượng kiếp tới nay, do tập khí hư vọng giờ trò quây phá, [ai nấy] cũng đều coi danh hiệu [A Di Đà Phật] này như giả danh. Coi như giả danh, sẽ chẳng thọ trì nghiêm túc, chẳng dễ gì đạt được nhất tâm.

(Sao) Y u thử cảnh, nhi gia chấp trì, nhiên hậu hướng vãng hữu địa. Nghệ, chí dã, vị chí u bỉ quốc dã.

(鈔)依於此境，而加執持，然後向往有地。詣，至也，謂至於彼國也。

(Sao: Nương theo cảnh ấy, lại còn chấp trì, sau đấy sẽ có chỗ để hướng về. “Nghệ” là đến, ý nói: Đạt tới cõi ấy).

Đối với thế gian, [thật ra] đừng nói là thế gian, kể cả xuất thế gian, ngay cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng đều chẳng thể vượt khỏi phạm vi này. Phạm vi gì vậy? Phạm vi hạnh phúc. Người nào hạnh phúc nhất? Người niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ hạnh phúc bậc nhất, ngay cả Văn Thù, Phổ Hiền đều thuộc trong số ấy. Các Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, hạnh phúc bậc nhất! Nay chúng ta phước báo đích xác là ở ngay trước mặt, nhưng chính mình chẳng muốn hưởng thụ, vứt bỏ nó, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, chẳng chịu thật thà niệm Phật. Đáng tiếc lắm! Có những người thật sự dụng công, nhưng chẳng gặp được duyên phận này, chẳng biết pháp môn này, rất đáng thương, chẳng có cách nào cả! Có duyên phận gặp gỡ, mà chẳng chịu nghiêm túc tu tập, đó là “*kẻ đáng thương*”

xót” như kinh điển đã nói, thật sự đáng thương! Người khác nghĩ [muốn biết pháp môn này] còn chẳng được, quý vị gặp gỡ mà chẳng biết dùng! Đã gặp gỡ mà chẳng thể nắm chặt lấy, quý vị nói xem: Đáng tiếc lắm phải không? Do đó, nhất định phải nương theo bộ kinh điển này và nương theo Phật hiệu này. Người hủy báng bộ kinh điển này, chướng ngại nó, mắc tội bậc nhất trong hết thảy các tội báng pháp. Quý vị hủy báng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cũng chẳng nặng bằng hủy báng kinh này. Vì sao? Đối với Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chưa chắc quý vị đã có thể thành tựu trong một đời! Gặp gỡ bộ kinh này, nhất định sẽ thành Phật trong một đời; do đó, nó có công đức bậc nhất. [Vì thế], hủy báng [kinh này] cũng mắc tội báo bậc nhất, nhất định sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ.

Bản thân chúng ta chẳng học, [lại còn] chướng ngại người khác học, do tội lỗi ấy sẽ đọa địa ngục. Bản thân chúng ta không học, tán thán người khác học, hoan hỷ người khác học, người ta thành Phật, tương lai còn có thể lôi kéo chúng ta, ta còn được hưởng ké. Nếu ta hủy báng, chướng ngại họ, họ chẳng thể vãng sanh, trong tương lai, ta đọa địa ngục càng sâu. Những chân tướng sự thật này đều phải hiểu rõ ràng, sau đây, quý vị mới biết “trong kiếp này, ta tu phước như thế nào”. Tu phước, chính mình nghiệp chướng sâu dày, niệm chẳng được! Khuyên người khác niệm, tốt lắm, đó là tu đại phước báo. Nhất là bản hội tập của Hạ lão cư sĩ thật sự rất tuyệt diệu, bản hội tập ấy là bản tổng hợp hoàn thiện của năm bản dịch gốc, thật sự là kinh bậc nhất “*danh xứng với thực*” trong hết thảy các kinh. Quý vị niệm kinh này một lần cũng giống như niệm cả năm bản dịch một lượt, quá khó có!

Nương theo bộ kinh này, nương theo danh hiệu này, “*nhi gia chấp trì*” (lại còn chấp trì), kiên định chấp trì, quyết định chớ nên lo ngại, “*nhiên hậu hướng vãng hữu địa*” (sau đây mới có chỗ để hướng về). “*Hướng*” (向) là phương hướng. Đời này, quý vị có phương hướng, có một mục tiêu. Trong đời người có phương hướng, có mục tiêu, thì đời này mới thật sự có ý nghĩa, thật sự có giá trị, biết ta vì sao mà sống. Có bao nhiêu người sống say chết mộng, chẳng biết vì sao mà sống, đáng thương quá! Suốt một đời nỗ lực, vì ai nỗ lực, cũng chẳng hiểu rõ ràng. Do vậy, mỗi người, nhất là người thuộc lứa tuổi trung niên, hãy khéo phản tỉnh, ta sống trong thế gian này để làm gì? Ta mỗi ngày bận bịu như thế là vì ai mà bận bịu? Bận bịu như vậy có đáng hay chẳng? Bận bịu suốt cả một đời, chẳng thành tựu được gì, chẳng biết là đang làm gì? Đó mới là đáng thương, đó là mê hoặc, điên đảo!

Người học Phật đến hỏi tôi, tôi hỏi ngược lại kẻ đó: “Quý vị học Phật gì vậy? Học Phật như thế nào?” Người ấy đáp: “Tôi tu hành”. “Tu hành gì vậy?” Đều đáp chẳng được! [Nêu đáp] “tôi niệm kinh gì” hoặc “niệm chú gì”, đó là đáp chẳng đúng với câu hỏi! Học Phật kiểu đó, sẽ đạt được kết quả gì? Đó là mê tín thật sự. Nói thật ra, chẳng bằng một bà lão! Hỏi bà lão: “Bà cầu gì?” “Tôi cầu Tây Phương Cực Lạc thế giới, tôi mong gặp A Di Đà Phật”. Mục tiêu ấy thật sự vĩ đại! Bà cụ có phương hướng, có mục tiêu, chẳng sống uổng phí một đời này. Mục tiêu và phương hướng đã xác định, thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống! Buông xuống hết thảy, quý vị hướng đến mục tiêu ấy chẳng bị chướng ngại. Nếu không thể buông xuống thì “buông xuống chẳng được” chính là chướng ngại. Tuy quý vị có phương hướng và mục tiêu, chưa chắc đã có thể đạt tới. Vì sao? Chướng ngại trùng trùng!

Vị thầy Chủ Thất trong Niệm Phật Đường thời thời khắc khắc nhắc nhở quý vị: “*Buông thân, tâm, thế giới xuống, dấy khởi chánh niệm*”. “*Chánh niệm*” là chấp trì danh hiệu. Chỉ có một niệm ấy là chánh niệm. Nói cách khác, trừ một niệm ấy ra, [những niệm khác] thảy đều là tà niệm, phải ghi nhớ điều này. Chỉ có một niệm này là Chánh Tư Duy; ngoài niệm này ra, toàn là vọng tưởng, có mấy ai biết? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: “*Trong ức vạn người, một, hai kẻ biết*”. Đúng là chẳng có mấy kẻ biết! Do đó, người học Phật chớ nên làm những chuyện khác nữa, phải chuyên nhất. Hoằng pháp lợi sanh, trước hết là phải nắm vững sao cho chính mình bất cứ lúc nào cũng đều có thể vãng sanh. Ta quyết định đã nắm chắc; sau đấy, ta mới lại hoằng pháp lợi sanh. Vì sao? Chẳng ngăn ngại sự vãng sanh của ta, có thể ra đi bất cứ lúc nào, như vậy thì mới được! Chính mình còn chưa nắm chắc liễu sanh tử, [đã toan] hoằng pháp lợi sanh thì độ sanh chẳng độ được, mà chính mình cũng hồng bét! Tôi khuyên chư vị đồng tu, không chỉ riêng là tôi khuyên lon quý vị [như thế], mà trong sự truyền thừa từ đời này sang đời khác của Phật pháp, có vị thầy nào chẳng dặn dò học trò như vậy? Trước hết, hãy thành tựu chính mình. Thiên Tông thì nhất định là đại triệt đại ngộ rồi mới hoằng pháp lợi sanh, Giáo Hạ là đã đại khai viên giải rồi mới ra ngoài giảng kinh, thuyết pháp. Bậc đại đức trong Tịnh Tông cũng nhất định là chính mình đã nắm vững vãng sanh rồi mới suất lãnh mọi người niệm Phật. Đó là tiêu chuẩn xưa kia. Nay thì chính mình điều gì cũng chẳng hiểu, vẫn cứ muốn hoằng pháp lợi sanh, cổ nhân bảo là “*dĩ manh dẫn manh*”, [nghĩa là] mắt chính mình đã đui, còn dẫn dắt một đám

người mù, đi đường nguy hiểm lắm! “*Tương khiên nhập hỏa khanh*” (Sẽ dẫm nhau vào hố lửa), kẻ nọ dẫn kẻ kia vào địa ngục A Tỳ!

Thành tựu chính mình như thế nào? Vẫn là một câu nói: “*Thâm nhập một môn*”. Một bộ kinh, một câu Phật hiệu, từ ba năm đến năm năm, quyết định thành tựu. Đến khi chính mình đã thành tựu, sau đấy, quý vị mới có thể học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều chẳng phải vì chính mình, mà nhằm ứng phó với đông đảo chúng sanh. Học rộng nghe nhiều là giai đoạn thứ hai, chẳng phải là giai đoạn thứ nhất, chẳng phải là trong hiện tiền. Hiện tiền phải tu Giới, Định, Huệ, phải tu Căn Bản Trí, phải thành tựu chính mình. Tam Học Giới, Định, Huệ, nói thật ra chính là cuộc sống của chính mình, từ sáng đến tối xử sự, đãi người, tiếp vật là Giới, Định, Huệ. Giới là học gì? Là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ quy củ. Xét theo nguyên tắc thì pháp thế gian và Phật pháp chẳng khác gì nhau. Giới học là “*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành). Ta ghi nhớ điều này, ta tuân thủ. Cụ thể là tổ sư đại đức đã dạy chúng ta bên trong phải tu năm đức: Ôn, lương, cung, kiệm, nhượng (溫,良,恭,儉,讓), tức là tự tu sao cho chính mình ôn hòa, trung hậu, thiện lương, cung thận (恭慎: cung kính, thận trọng, bất luận làm chuyện gì cũng chú ý cẩn thận, đó là cung kính), tiết kiệm (quyết định chẳng lãng phí), nhường nhịn. Chính mình trong tu năm đức, ngoài tu Lục Hòa. Đó là vâng giữ pháp, vâng giữ pháp căn bản, đây chính là trì giới. Đó là căn cội to lớn của giới hạnh. Năm đức là đối với chính mình, Lục Hòa là đối với người khác, cư xử cùng người khác.

“*Định*” là trong tâm có chủ tể, chẳng tán loạn, nhất tâm hướng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, hồng thấy A Di Đà Phật, tâm ta có Định. “*Huệ*” là gì? Huệ là hiểu rõ [cảnh giới] bên ngoài, chẳng bị nó dụ dỗ, mê hoặc. Đây là “*ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”. Ngoài chẳng chấp tướng là Huệ, chẳng có gì ta không minh bạch, chẳng có gì ta không hiểu rõ, tuyệt đối chẳng bị ngoại cảnh ảnh hưởng. Ngoại cảnh thiện cũng vậy, mà ác cũng vậy, thuận cũng thế, mà nghịch cũng thế, thấy đều chẳng liên quan gì đến ta. Trong cảnh giới, ta chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Do đó, Giới, Định, Huệ là hành vi trong cuộc sống, từ sáng đến tối mặc quần áo, ăn cơm đều là Giới, Định, Huệ, nói năng, cử chỉ, tất cả đều là Giới, Định, Huệ. Quý vị mới biết Phật pháp

chẳng phải là nói suông, chẳng phải là huyền học⁴. Phật pháp là cuộc sống, cuộc sống là Phật pháp. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian như vậy đó, sống cuộc đời như vậy, làm người như vậy, xử thế như vậy. Chúng ta học được bản lãnh ấy, sẽ chẳng khác chư Phật, Bồ Tát.

Quý vị bèn hiểu phương hướng và mục tiêu [có tánh chất] trọng yếu dường ấy. Kiến Hòa Đồng Giải trong Lục Hòa, [có nghĩa là] chúng ta có kiến giải giống nhau, có cùng nhận thức, đều hướng theo phương hướng ấy để nỗ lực, mọi người ở chung với nhau, đương nhiên là một bầu hòa khí, cùng hội cùng thuyền sẽ giúp đỡ lẫn nhau, đôi bên giúp đỡ lẫn nhau, tuyệt đối chẳng thể nào còn có ý kiến tranh chấp, vẫn muốn gây chuyện thị phi. Tranh chấp ý kiến, gây chuyện thị phi, đó chẳng phải là đạo tràng. Nếu nói đó là đạo tràng, sẽ là đạo tràng của địa ngục đạo, chẳng phải là đạo tràng của Phật đạo, mọi người cùng nhau chuân bị đọa địa ngục, muốn làm chuyện này. Chúng ta thấy đều phải thấy rõ điều này. Thấy rõ ràng thì hiện thời trong thế gian này, họ vào địa ngục, ta không vào. Ta chính mắt thấy họ đọa địa ngục, mà cũng chẳng có cách nào, chẳng phải là thiếu từ bi, mà vì níu kéo chẳng được! Quý vị khuyên họ, họ đâu có nghe! Nói với họ, họ chẳng hiểu! Đây là nghiệp chướng quá nặng. Thấy rõ ràng, mình bạch kẻ ấy sẽ đọa lạc, chẳng có cách nào cứu kẻ ấy. Nếu quý vị nói lời thật với họ, họ còn hủy báng thêm. Do lẽ đó, Phật, Bồ Tát chẳng thể xuất hiện trên thế gian, [vì nếu các Ngài] xuất hiện trên thế gian, họ sẽ báng Phật, báng Pháp, tội càng nặng hơn! Phật, Bồ Tát thấy kẻ ấy đọa địa ngục, tuyệt đối sẽ không giúp cho kẻ ấy bị đọa sâu thêm, [nếu khiến cho kẻ ấy đọa sâu hơn], Phật sẽ chẳng từ bi. Vì lẽ đó, khi quý vị chẳng thể tiếp nhận, Phật, Bồ Tát chẳng xuất hiện, quý vị

⁴ Huyền học (玄學): Huyền học là một học phái hình thành từ thời Ngụy - Tấn, chú trọng giải thích, đàm luận những khái niệm u huyền, siêu thế của Lão Tử, Trang Tử và Châu Dịch. Những ngôn từ được dùng trong luận đàm thường cao sâu, uyên áo, xa lìa thực tế, chuyên môn chú trọng đàm luận những thứ được coi là “*siêu ngôn tuyệt tượng*”, trở thành một thứ học thuật nặng tính huyền bí, thậm chí mông lung, đôi khi trở thành lý luận suông, huyền hoặc, không tưởng. Những đại biểu nổi tiếng của trường phái này là Hà An, Vương Bật, Nguyễn Tịch, Kê Khang, Hương Tú, Quách Tượng v.v... Về sau, khi đạo Phật truyền vào Trung Quốc, một số danh sĩ vẫn quen thói diễn giải những giáo nghĩa của Phật giáo theo cách huyền học, nên thường bị chư tổ quở trách. Do không hiểu thấu đáo các khái niệm huyền học, bọn đạo sĩ hoặc thuật sĩ nửa mùa bèn vận dụng những danh từ ấy vào các cách tu luyện, bói toán, hoặc ma thuật mê tín. Từ đó hình thành các môn Bát Tự, Mạng Lý, Nạp Âm, Tính Danh Học, Trạch Nhật (chọn ngày), Địa Lý, bùa chú, trừ tà, ếm đôi, triệu thần, tróc quỷ v.v...

chẳng có cơ duyên hủy báng, có bị đọa thì sẽ đọa nông cạn đôi chút, chẳng đến nỗi đọa quá sâu. Do đó, quý vị hãy ngẫm xem, Phật, Bồ Tát xuất hiện là đại từ đại bi, mà không xuất hiện vẫn là đại từ đại bi. Xuất hiện hay không xuất hiện, chẳng do phía Phật, Bồ Tát, mà do duyên của chúng sanh. Chúng sanh có thể tiếp nhận, Phật, Bồ Tát sẽ xuất hiện. Chẳng thể tiếp nhận, Phật, Bồ Tát chẳng xuất hiện. Đúng là một dạ từ bi!

“*Nghệ*” (詣) là tới, là đạt tới. Trong một đời này, chúng ta quyết định có thể đạt đến mục tiêu, quyết định có thể thỏa mãn nguyện vọng của chúng ta.

(Sao) *Hoặc vị tâm ngoại vô cảnh, quán tâm tức túc, hà dĩ cảnh vi?*

(鈔)或謂心外無境，觀心即足，何以境為。

(Sao: Chắc là có kẻ sẽ nói “ngoài tâm chẳng có cảnh, quán tâm là đủ”, sao lại có cảnh để làm gì?)

Xác thực là có không ít kẻ học Phật chưa thể thông đạt rốt ráo câu này! Đó gọi là “hiểu biết nửa vời” cho nên mới hiểu lầm lời Phật nói. “*Tâm ngoại vô cảnh, ngoại cảnh vô tâm*”, xác thực là do đức Phật đã nói. Nếu chẳng thật sự hiểu rõ ý nghĩa này, sẽ nảy sanh nghi hoặc, sẽ làm lẫn to lớn. Do vậy, ở đây, Liên Trì đại sư đặc biệt nhắc nhở chúng ta. Những điều dưới đây đều là vấn nạn.

(Diễn) “*Hoặc vị*” hạ nạn vân.

(演)或謂下難云。

(Diễn: Từ chữ “*hoặc nói*” trở đi là lời cật vấn).

“*Hoặc vị*” chính là câu “*hoặc vị tâm ngoại vô cảnh*” (hoặc có kẻ nói “ngoài tâm chẳng có cảnh”).

(Diễn) *Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tâm ngoại vô cảnh, nhiên tắc hành nhân chỉ ứng quán tâm, hà vi quán cảnh hồ?*

(演)三界唯心，萬法唯識，心外無境，然則行人止應觀心，何為觀境乎。

(Diễn: Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, ngoài tâm chẳng có cảnh, vậy thì người tu hành chỉ nên quán tâm, sao lại quán cảnh?)

Lời hỏi có ý nghĩa này. Điều này đích xác là đã căn cứ trên kinh văn do đức Phật nói, thoát nhìn, [lời hỏi] rất hữu lý. Nhà Thiên dùng đạo lý này: Nhà Thiên chủ trương quán tâm, có thể thành công hay không? Có thể thành công, nhưng chẳng phải là người bình phàm có thể thành công! Quý vị xem Đản Kinh, [sẽ thấy] đối tượng tiếp dẫn của Lục Tổ đại sư là bậc thượng thượng thừa, [người như vậy] mới có cách để quán tâm. Người căn cơ Đại Thừa chẳng làm được, hưởng hòe trung hạ căn? Huống chi chúng ta ngay cả tư cách trung hạ còn chưa có? Do vậy, phải biết quán tâm là một biện pháp tốt đẹp, là một con đường tắt trong pháp môn Đại Thừa, nhưng kẻ bình phàm chẳng thể làm được! Thiên do Đạt Ma tổ sư truyền sang Trung Hoa là quán tâm. Về sau, cũng chẳng có cách nào quán tâm, căn tánh [của học nhân] ngày càng kém cỏi, tổ sư bèn đổi sang dùng tham thoại đầu. Nói thật ra, tham thoại đầu rất gần với niệm Phật, chẳng sai khác cho mấy! Nhưng tham thoại đầu có thể đắc Định, chẳng thể khai ngộ; quán tâm thì có thể khai ngộ. Đắc định thì quả báo là sanh vào Tứ Thiên Thiên, chẳng ra khỏi tam giới. Huống chi đắc Định vẫn là khá khó khăn! Đạt được công phu định lực mà tâm địa có đôi chút chẳng thanh tịnh thì vẫn phải đọa lạc.

Lão pháp sư Đàm Hư có kể một đồng học của Ngài, tức là một đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhàn, tham Thiền ở chùa Giang Thiên thuộc Trấn Giang hai mươi mấy năm. Về sau, vị ấy làm đến chức Thủ Tọa⁵ chùa Giang Thiên, tâm ngạo mạn dấy lên, cảm thấy chính mình lỗi lạc lắm, ma chương hiện tiền, nhảy xuống sông tự sát, trở thành Thổ Địa Công (ông Địa). Công tu Thiền hai mươi mấy năm để đổi lấy chức vị Thổ Địa Công. Thổ Địa Công là địa vị gì? Là chức lý trưởng trong ngạ

⁵ Thủ Tọa (首座) là một chức vụ rất lớn trong tùng lâm, chỉ dưới Trụ Trì. Theo Bách Trượng Thanh Quy, vị này thường là một vị Tăng đức hạnh kiêm ưu, giữ vai trò phụ tá Trụ Trì, quản sự mọi việc trong chùa, thống lãnh các chức sự trong tùng lâm, an bài ổn thỏa hoàn cảnh tu học cho đại chúng, cắt đặt mọi việc trong tự viện, đôn đốc, kiểm tra các chức sự, cũng như có quyền dựa theo giới luật, thanh quy, tự quy để trừng phạt những vị tăng không giữ oai nghi, kể cả quả phạt các chức sự cao cấp như Diễn Tọa, Duy Na, Tri Khách, Diễn Khô v.v... Đồng thời, vị này cũng xếp đặt việc chăm sóc những vị tăng già bệnh, sắp xếp người lo hậu sự tống táng cho những người đã khuất. Đồng thời còn đảm nhiệm việc chỉ dạy đàn em, đồ tử, đồ tôn trong tu học.

quỷ đạo! Trong tâm có đôi chút ngăn ngại, chẳng thanh tịnh, kiêu căng, ngã mạn, oan gia trái chủ bèn tìm được ông ta. Oan gia chính là bà vợ của ông ta. Vì khi ông xuất gia, bà vợ không cam lòng bèn tự sát, hồn ma của bà vợ luôn quanh quẩn bên ông ta. Do bản thân ông ta có công phu tu hành, có thần hộ pháp bảo vệ, nên hồn ma chẳng có cách nào tiếp cận. Đến khi ông ta dấy lên ý niệm kiêu căng, ngã mạn, đánh mất đạo tâm, thần hộ pháp bỏ đi, oan hồn của bà vợ liền dựa thân, ông ta trở thành điên điên khùng khùng. Do bà vợ nhảy sông tự vận, trở thành quỷ dưới nước dẫn dụ ông ta, khiến cho ông nhảy xuống sông tự sát!

Sau khi đã thật sự liễu giải, quý vị mới biết danh hiệu này có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị thật sự chấp trì danh hiệu, sẽ chẳng bị ma dựa! Nhưng chớ vị phải ghi nhớ, cũng có kẻ niệm Phật mà bị ma dựa. Chúng tôi cũng có khi nghe nói, mà cũng đã từng thấy. Vì sao bị ma dựa? Tâm chẳng thanh tịnh. Do đó, ma chướng, nói chung đều do tâm chẳng thanh tịnh. Tham, sân, si, mạn là nội ma! Kinh Bát Đại Nhân Giác nói tới bốn loại ma, [trong đó] phiền não ma là nội ma. Nội ma làm nội gian (內奸: kẻ gian nằm vùng) kết hợp với ngoại ma, chẳng có cách nào cả! Quý vị trong là đoạn tham, sân, si, mạn, do bên trong chẳng có ma, dầu ma bên ngoài có sức mạnh to đến mấy, bên trong chẳng có gì làm nội ứng cho nó, ma đành bó tay, hết đường xoay sở đối với quý vị. Sợ là trong tâm có nội gian, trong ngoài phối hợp, quý vị xong đời!

(Diễn) Đáp vân: Nhữ đản tri tâm ngoại vô cảnh, bất tri cảnh ngoại vô tâm.

(演)答云：汝但知心外無境，不知境外無心。

(Diễn: Đáp rằng: - Ông chỉ biết ngoài tâm không có cảnh, chẳng biết ngoài cảnh chẳng có tâm).

Đức Phật nói hai câu này, có sao quý vị [chỉ] nói một câu, hãy còn một nửa sau nữa, ngoài cảnh cũng chẳng có tâm!

(Diễn) Tâm giả toàn cảnh chi tâm, cảnh giả toàn tâm chi cảnh.

(演)心者全境之心，境者全心之境。

(Diễn: Tâm là cái tâm nơi toàn thể cảnh, cảnh là cái cảnh trong toàn bộ cái tâm).

Sau khi quý vị đã hiểu rõ điều này, niệm cảnh và niệm tâm có gì khác nhau? Chẳng khác nhau, tâm và cảnh như nhau, tâm cảnh bất nhị. Pháp niệm tâm chẳng dễ thành tựu, chúng ta bèn niệm cảnh, cảnh là tâm, có gì mà chẳng thể? Tôi vừa mới nói, kể ấy chỉ hiểu một nửa, chưa hiểu rõ ràng, thuộc loại gà mờ nên mới xuất hiện vấn đề! Thật sự hiểu rõ Phật pháp, sẽ chẳng có vấn đề! Biết tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều chánh xác, đều chẳng sai lầm. Môn nào cũng đều chẳng mâu thuẫn nhau, chẳng bị xung đột; do vậy, “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, thật vậy! Chẳng thể nói pháp môn này hay, pháp môn kia chẳng hay, chẳng thể nói như vậy được! Chỉ có thể nói là pháp môn này khế hợp căn cơ của loại người nào đó, pháp môn kia khế hợp căn cơ của hạng người khác, chỉ có thể nói theo kiểu như vậy. Căn tánh giống như chúng ta, tu pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu, đều chẳng có cách nào, thật đây, chẳng giả đâu nhé! Bao nhiêu người tu mãi cho đến già mới quay đầu!

Lần trước, tôi đến giảng kinh tại Bình Đông, gặp Chung lão cư sĩ. Cụ học Phật lâu hơn tôi, đã từng học Mật, học Thiền, học khá nhiều pháp môn. Ngày đó, tôi gặp cụ tại chùa Đông Sơn, [cụ bảo]: “Pháp sư à! Tuổi tôi đã cao rồi, những điều đã học trong quá khứ thấy đều chẳng đắc lực, nay tôi thật thà niệm Phật!” Tôi chúc mừng cụ, khó có! Thật thà niệm Phật, mỗi ngày niệm Phật hiệu ba vạn câu. Cụ đã tám mươi mấy tuổi, sắc mặt hồng hào, âm thanh sang sảng. Cụ vận động cũng nhiều, cụ niệm Phật bằng cách vừa đi vừa niệm. Cụ tản bộ ngoài đồng trong vùng làng quê, cứ niệm một tiếng Phật hiệu bèn bước một bước. Nói cách khác, ba vạn câu Phật hiệu là ba vạn bước. Sự vận động ấy tốt đẹp, hữu ích cho sức khỏe. Do vậy, quán tâm và niệm cảnh giống nhau!

(Diễn) *Ký vô tâm ngoại chi cảnh, vi tâm sở chiếu, diệt vô cảnh ngoại chi tâm, năng chiếu ư cảnh.*

(演) 既無心外之境，為心所照，亦無境外之心，能照於境。

(Diễn): *Đã không có cảnh ở ngoài tâm để được chiếu bởi tâm, thì cũng chẳng có cái tâm ở ngoài cảnh để có thể chiếu cảnh).*

Những lời ấy đều nhằm đạt đến kết luận sau đây.

(Diễn) *Tâm cảnh nhất như dã.*

(演)心境一如也。

(Diễn: Tâm và cảnh như một).

Bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật này: Tâm và cảnh như một.

(Diễn) **Bất độc tâm cảnh nhất như, diệc phục tâm cảnh hỗ phát.**

(演)不獨心境一如，亦復心境互發。

(Diễn: Không chỉ là tâm và cảnh như nhau, mà còn là tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau).

Ý nghĩa này hết sức trọng yếu. Tâm và cảnh không chỉ là như nhau, mà đích xác là tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau. Do chúng phát khởi lẫn nhau, Thiền Tông sau khi ngộ tánh, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt vô ngại. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian là cảnh, nơi cảnh bèn thông đạt. Nói cách khác, thông đạt nơi cảnh, nhất định phải ngộ tâm tánh, cùng một đạo lý như nhau. Vì thế, đối với niệm Phật, quý vị ngàn muôn phần đừng nghĩ các bà cụ chỉ niệm một câu Phật hiệu, thấy bà cụ đứng vãng sanh hoặc ngồi mát, quý vị chẳng biết là khi ấy, bà cụ đã thông đạt hết thảy. Vì sao? Khi niệm đến nhất tâm bất loạn, tâm và cảnh như nhau, trí huệ mở mang, chính là như trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã chép: “*Chẳng nhờ vào phương tiện mà tâm được tự khai*”. Trong cảnh giới đó, bà cụ đã thông đạt hết thảy.

Đọc kinh cũng là như thế, chúng tôi thường nói: “*Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông*”. Vì sao? Kinh là cảnh giới, quý vị chỉ cần thật sự tiến nhập cảnh giới này, tâm và cảnh như một. Vì thế, hết thảy các kinh đều thông đạt. Nói thật ra, “*hết thảy các kinh đều thông đạt*” chẳng có nghĩa là quý vị thứ gì cũng đều chẳng học mà hiểu rõ. Chẳng phải là như vậy, quý vị không tiếp xúc sẽ chẳng biết, hễ tiếp xúc liền biết. Giống như Lục Tổ đại sư chẳng tiếp xúc kinh Pháp Hoa, Ngài không biết; bèn bảo thiền sư Pháp Đạt: “*Ông hãy niệm kinh Pháp Hoa cho ta nghe*”. Sư vừa niệm, Ngài liền biết trọn vẹn. Người niệm chẳng biết, Ngài là người nghe bèn biết, lại còn chẳng cần phải niệm xong. Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, niệm đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, Lục Tổ bảo Sư: “*Dừng lại, không cần niệm nữa! Ta đã biết toàn bộ kinh này*”. Vì sao? Tâm và cảnh như nhau. Lục Tổ đã ngộ

tâm, vừa tiếp xúc cảnh bèn thông đạt. Trừ phi lục căn chẳng tiếp xúc, chứ vừa tiếp xúc bèn thông đạt. Người niệm Phật niệm đến mức nhất tâm bất loạn là như vậy đó, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào người ấy không hiểu. Hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, người ấy cũng biết. Công phu cạn thì chẳng tác ý sẽ không biết; hễ tác ý sẽ biết. Tác ý (作意) là gì? Nay chúng ta nói là “chú ý”. Người ấy chú ý tới quý vị bèn hiểu rõ; chẳng chú ý, sẽ không biết. Người công phu sâu, không cần tác ý vẫn biết. Kẻ công phu cạn phải tác ý, giống như Tiểu Thừa A La Hán, muốn biết tình hình trong đời một người thì phải nhập Định. Nhập Định quan sát, người ấy sẽ biết. Nếu chẳng nhập Định, vị ấy sẽ không biết. Hễ nhập Định quan sát, vị ấy có thể thấy đời quá khứ của quý vị, có thể thấy tới năm trăm đời. Bồ Tát thuộc địa vị sâu, hàng kiến tánh Bồ Tát không cần tác ý, vì công phu của các Ngài sâu xa.

Tổ sư đại đức thường khuyên lơn, khích lệ chúng ta, học Phật thì mở đầu là “*thâm nhập một môn*”, đây là pháp tu học phương tiện để thông đạt hết thấy, người hiện thời chẳng biết chuyện này! Người hiện thời vừa bắt đầu bèn “*thứ gì cũng đều phải học*”, vừa bắt đầu bèn học rộng nghe nhiều, học suốt một đời, thứ gì cũng chẳng biết, thứ gì cũng chẳng thông, đáng tiếc lắm! Chẳng biết tu từ căn bản, căn bản chính là tâm tánh. Vì tâm và cảnh có thể phát khởi lẫn nhau, chỉ cần quý vị chuyên chú một thứ, chuyên nhất nơi tâm cũng được, mà chuyên nhất nơi cảnh cũng được. Vấn đề là quý vị chuyên hay không chuyên, chỉ cần là chuyên thì đều được. Quý vị chẳng muốn chuyên tu, cứ mong tu mấy thứ. Sai mất rồi, mê hoặc, điên đảo mất rồi!

(Diễn) Tiên tá Tây Phương giả tưởng chi cảnh, phát ngã linh minh diệu tâm, dĩ ngã linh minh diệu tâm, phục phát Tây Phương chân cảnh.

(演)先借西方假想之境，發我靈明妙心，以我靈明妙心，復發西方真境。

(Diễn: Trước hết, mượn cảnh giả tưởng của Tây Phương để phát khởi cái tâm mâu nhiệm linh minh của ta, [sau đó], dùng cái tâm mâu nhiệm linh minh của ta để lại phát khởi cảnh Tây Phương chân thật).

Mấy câu này hay lắm! Chúng ta chưa tận mắt thấy cảnh giới Tây Phương, chỉ là thấy những điều kinh dạy. Cảnh giới ấy là cảnh giới tương tự, là giả cảnh, chẳng phải là chân cảnh. Nhưng giả cảnh ấy rất hữu dụng, khiến cho cái tâm của chúng ta chuyên chú nơi cảnh ấy, tâm thật sự chuyên nhất, sẽ biến thành nhất tâm, Tây Phương chân cảnh bèn hiện tiền. Đó chẳng phải là cảnh giới tương tự, đã thấy chân cảnh, thấy trọn hết những điều kinh đã nói. Trong quá khứ, Huệ Viễn đại sư trong một đời đã thấy ba lần, Ngài bảo với người khác: “*Cảnh giới hoàn toàn giống hệt như kinh Vô Lượng Thọ đã nói*”. Trong xã hội hiện thời, kẻ bịa đặt đồn thổi rất nhiều. Có người nói [chính mình] đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn đưa ra báo cáo, viết thành một quyển sách nhỏ. Kết quả là xem quyển sách nhỏ ấy, tôi thấy hoàn toàn khác hẳn những điều kinh đã dạy, chẳng thể tin tưởng được! Trong thế gian hiện thời, những thứ giả dối quá nhiều, nhất định phải nhận thức rõ ràng, đừng mắc lừa! Đúng là còn chẳng ít kẻ bị lừa! Còn có rất nhiều người phát tâm bỏ rất nhiều tiền để ấn hành [quyển sách ấy]. Kinh Phật họ không tin, tin vào những thứ do gã ấy viết, rất đáng thương! Quên sạch sành sanh Tứ Y Pháp của Phật! Điều thứ nhất trong Tứ Y Pháp là dạy chúng ta “*y pháp, bất y nhân*”. Người hiện thời y nhân, chẳng y pháp, hỏng mất rồi! “Người” là phàm phu, mê hoặc, điên đảo, làm sao có thể “y” (nuông tựa, vâng theo) cho được? Pháp là kinh điển do đức Phật đã giảng, từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, được phiên dịch tại Trung Hoa, xác thực là có người phiên dịch, xác thực là có nơi chốn phiên dịch, có căn cứ ấy, chẳng phải là những lời lẽ bịa đặt!

(Diễn) Dĩ cảnh phát tâm, dĩ tâm phát cảnh, trùng trùng hổ phát, hổ hiển, dụ như ma kính, dữ ma dữ tịnh, dữ tịnh dữ ma đã.

(演)以境發心，以心發境，重重互發互顯，喻如磨鏡，愈磨愈淨，愈淨愈磨也。

(Diễn: Dùng cảnh để phát khởi tâm, dùng tâm để phát khởi cảnh, phát khởi, hiển lộ lẫn nhau tầng tầng giao xen, ví như mài gương, càng mài càng sạch, càng sạch bèn càng mài).

Tâm phát khởi cảnh, cảnh phát khởi tâm, đích xác là trùng trùng vô tận. Những chữ này cũng thuộc về thế giới Hoa Nghiêm, thế giới trùng trùng vô tận. “*Ma kính*” (磨鏡: mài gương), xưa kia là gương đồng,

chẳng mài [cho sạch những vết teng rỉ], sẽ không thể soi. Vì thế, kính phải thường xuyên mài, càng mài càng sáng. Chuyện này tỷ dụ tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau!

(Sao) *Bất tri tâm cảnh nhất như, diệt phục hỗ phát. Tiên đức vị “hữu tam-muội trực quán tam đạo, hiển bản tánh Phật”.*

(鈔)不知心境一如，亦復互發。先德謂有三昧直觀三道，顯本性佛。

(Sao: *Chẳng biết tâm và cảnh như một, chúng cũng lại phát khởi lẫn nhau. Bậc cổ đức nói: “Có khi dùng tam-muội để quán thẳng vào tam đạo hồng hiển thị vị Phật trong bản tánh”.*

Chúng ta xem trước câu này, trong mỗi câu đều chứa đựng ý nghĩa rất sâu.

(Diễn) *Hữu hỗ phát giả, tức Diệu Tông sở vị “cứ hỗ tâm tánh, quán bỉ y chánh, y chánh khả chương. Thác bỉ y chánh, quán u tâm tánh, tâm tánh dị phát dã”.*

(演)又互發者，即妙宗所謂據乎心性，觀彼依正，依正可彰，託彼依正，觀於心性，心性易發也。

(Diễn: *“Lại phát khởi lẫn nhau” chính là như Diệu Tông Sao đã nói: “Dựa trên tâm tánh để quán y báo và chánh báo thì y báo và chánh báo có thể hiển lộ. Nương vào y báo và chánh báo để quán tâm tánh, tâm tánh sẽ dễ phát khởi”.*

Trích dẫn một đoạn trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Diệu Tông Sao để giải thích lý luận và sự thật của “tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau”, nhằm chứng minh cho chúng ta.

(Diễn) *Trực quán tam đạo hiển bản tánh Phật giả, tam đạo tức chúng sanh Hoặc, Nghiệp, Khổ dã.*

(演)直觀三道顯本性佛者，三道即眾生惑業苦也。

(Diễn: *“Quán thẳng vào tam đạo nhằm hiển lộ vị Phật trong bản tánh”: Tam đạo chính là Hoặc, Nghiệp, Khổ của chúng sanh).*

Hoặc, Nghiệp, Khổ là cảnh.

(Diễn) Bản tánh nữ Tam Đức bí tạng, tức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát.

(演)本性乃三德秘藏，即法身、般若、解脫。

(Diễn: Bản tánh chính là Tam Đức bí tạng, tức là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát).

Mê thì Tam Đức biến thành Hoặc, Nghiệp, Khổ. Giác ngộ thì Hoặc, Nghiệp, Khổ biến thành Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, là một, không hai! Đến khi thật sự thành Phật, Lục Tổ đại sư nói rất hay: “*Chỉ thay đổi tên gọi, chẳng chuyển cảnh*”. Khai ngộ, thành Phật, thay đổi danh từ, chẳng phải là hiện thời quý vị gọi chúng là Hoặc, Nghiệp, Khổ ư? Đến lúc quý vị giác ngộ, đổi thành Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, thay đổi danh từ. Cảnh có thay đổi hay không? Chẳng thay đổi! Ví như một người đang theo học trong nhà trường, đạt được học vị Tiến Sĩ, khi ấy, quý vị có thêm danh vị tiến sĩ, nhưng người thì vẫn vậy, trọn chẳng dấy lên biến hóa, chỉ thêm tước hiệu vào tên gọi mà thôi! Quý vị mới biết cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát chẳng hai, chẳng khác chúng ta, nhưng thọ dụng khác nhau! Chúng ta thật sự có khổ não, thật sự chịu tội, các Ngài thật sự vui sướng, thật sự chẳng có khổ não! Trong cảnh giới giống hệt nhau, do tâm tình khác nhau, hưởng thụ khổ lạc khác nhau, gốc bệnh là do chúng ta ở trong cảnh giới nầy sanh khá nhiều quan niệm sai lầm, khá nhiều phân biệt, chấp trước, chẳng khổ mà tự mình chuốc khổ, tự tìm nỗi khổ, chính mình mê hoặc, điên đảo, chính mình tạo nghiệp, chính mình chịu khổ báo, làm chuyện này. Giống như người nằm mộng, mỗi đêm gặp ác mộng, khổ chẳng thể nói nổi, ai khiến kẻ ấy chịu khổ? Chính mình gây cho chính mình, tuyệt đối chẳng phải là bên ngoài có người tạo khổ cho quý vị hứng chịu. Chẳng hề có, tự làm tự chịu!

(Diễn) Chúng sanh mê Tam Đức bí tạng, vì Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo.

(演)眾生迷三德秘藏，為惑業苦三道。

(Diễn: Chúng sanh do mê tam đức bí tạng nên là tam đạo Hoặc, Nghiệp, Khổ).

Hoặc, Nghiệp, Khổ là lục đạo luân hồi. “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc, tà tri tà kiến; “*Nghiệp*” (業) là tạo tác, tạo mười ác nghiệp; “*Báo*” (報) là quả báo trong lục đạo. Do vậy, luân hồi là Hoặc, Nghiệp, Khổ biến hiện. Hoặc, Nghiệp, Khổ là nói tới lý luận của sự luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là hiện tượng, vì quý vị mê hoặc tạo nghiệp nên mới chịu báo, mới có lục đạo quả báo. Quý vị thật sự giác ngộ, lục đạo chẳng còn nữa! Chúng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có câu: “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), đại thiên thế giới là lục đạo. “*Vô đại thiên*” là chẳng có lục đạo. Chẳng có lục đạo luân hồi, khi ấy sẽ là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát.

(Diễn) Chư Phật ngộ Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, vi Tam Đức bí tạng.

(演)諸佛悟惑業苦三道，為三德秘藏。

(Diễn: Chư Phật đã ngộ tam đạo Hoặc, Nghiệp, Khổ, [chúng bèn] trở thành tam đức bí tạng).

Giác ngộ là Tam Đức, đã mê bèn là tam đạo.

(Diễn) Cố viên đốn hành nhân, bất tất ly thử tam đạo, biệt quán Tam Đức.

(演)故圓頓行人，不必離此三道，別觀三德。

(Diễn: Vì thế, hành nhân viên đốn chẳng cần phải lìa khỏi tam đạo để quán riêng Tam Đức).

Đây là nói tới người căn tánh viên đốn, họ tu hành có cần phải lìa Hoặc, Nghiệp, Khổ hay không? Chẳng cần!

(Diễn) Quán Khổ đạo tức Pháp Thân.

(演)觀苦道即法身。

(Diễn: Quán Khổ đạo chính là Pháp Thân).

Khổ là gì? Những gì chúng ta đang hứng chịu trong hiện tiền, muôn hình muôn vẻ, nguyên lai chính là Pháp Thân thanh tịnh của chính mình.

(Diễn) Huyền hóa không thân tức Pháp Thân cố. Quán Hoặc đạo tức Bát Nhã.

(演)幻化空身即法身故，觀惑道即般若。

(Diễn: Thân huyền hóa, rỗng rang chính là Pháp Thân. Quán Hoặc đạo chính là Bát Nhã).

Đã giác ngộ thì mê hoặc là Bát Nhã; đã mê thì Bát Nhã là vô minh, vọng tưởng.

(Diễn) Tham, sân, si tức chư Phật bất động trí cố.

(演)貪瞋痴即諸佛不動智故。

(Diễn: Tham, sân, si chính là trí bất động của chư Phật).

Tâm hễ động thì còn có tham, sân, si, tâm bất động là Bát Nhã. Pháp môn Niệm Phật cầu gì? Cầu tâm thanh tịnh. Tam Học Giới, Định, Huệ là cuộc sống hằng ngày, trong chẳng động tâm, ngoài chẳng chấp tướng, ngay lập tức là Tam Đức bí tạng, là Tam Học Giới, Định, Huệ, chính là cuộc sống, chẳng phải là gì khác.

(Diễn) Quán nghiệp đạo tức giải thoát, thân khẩu sở tác tức pháp tánh chi đại dụng cố.

(演)觀業道即解脫，身口所作即法性之大用故。

(Diễn: Quán nghiệp đạo chính là giải thoát, những điều tạo tác bởi thân và miệng chính là tác dụng to lớn của pháp tánh).

Ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo tác là tự lợi, lợi tha, vô lượng công đức. Đây là đức dụng của tự tánh, đức dụng là giải thoát. Có thể thấy chúng sanh và Phật [khác biệt] chỉ trong một niệm, có thể chuyển ý niệm ấy hay không? Ý niệm ấy là mê hay ngộ. Một niệm mê bèn là chúng sanh pháp giới, một niệm giác là Phật, Bồ Tát pháp giới; tùy thuộc quý vị có thể chuyển niệm ấy hay không. Chuyển chẳng được, hãy thật thà niệm Phật. Chuyển được thì phải là người thượng thượng căn như trong Thiền Tông đã nói, lập tức chuyển biến. Lục Tổ chuyển nhanh chóng, Ngài nghe kinh Kim Cang, nghe người ta niệm chưa đến một phần ba, Ngài đã chuyển được. Nêu quý vị hỏi, vì sao Ngài chuyển nhanh như vậy ư? Nói thật thà, tuy trong Lục Tổ Đàn Kinh chẳng ghi chép cặn kẽ,

nhưng người học Phật chúng ta có thể suy nghĩ để thấy Ngài là một người hết sức thật thà, tâm địa thành khẩn, chân thật, vọng tưởng ít, chẳng có tâm tham. Tâm tham, sân, si, mạn đều chẳng có. Do vậy, Ngài vừa tiếp xúc bèn khai ngộ. Nay chúng ta tiếp xúc, cứ sao không khai ngộ? Vọng niệm quá nhiều, tham, sân, si, mạn quá nặng, đó gọi là nghiệp chướng, đóng lấp và chướng ngại ngộ môn của chính mình, nên chẳng khai ngộ, đó là căn tánh trung hạ. Căn tánh như vậy, chỉ nên thật thà niệm Phật, niệm Phật tiêu nghiệp chướng. Tiệm tu (漸修: tu tập dần dần), thông thả dùng câu Phật hiệu để chế phục những tập khí phiền não ấy. Chế phục lâu ngày, sẽ tự nhiên đoạn hết. Sau khi đã đoạn, chẳng khác gì cảnh giới ngộ nhập của Thiền Tông. Đây là do quán cảnh bèn có thể thấu đạt tâm tánh, dùng phương pháp này. Hôm nay, chúng tôi giảng tới đây.